

Số: 162/TB-ĐHTM

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2022

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-ĐHTM ngày 19/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Trường Đại học Thương mại thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2022 như sau:

1. Mục tiêu đào tạo

Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc 2 nhóm chương trình đào tạo theo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng.

- Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, lý thuyết khoa học, thử nghiệm kiến thức mới vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành đào tạo; có thể tiếp tục học tập ở trình độ tiến sĩ.

- Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể tiếp tục học tập ở trình độ tiến sĩ.

2. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến

TT	Tên ngành	Mã số	Chỉ tiêu dự kiến
1	Kế toán	8340301	30
2	Quản lý kinh tế	8310110	120
3	Quản trị kinh doanh	8340101	50
4	Tài chính - Ngân hàng	8340201	70
5	Quản trị nhân lực	8340404	20
6	Kinh doanh thương mại (gồm 2 chuyên ngành: Kinh doanh thương mại và Marketing thương mại)	8340121	20
Tổng			310

Ghi chú: Căn cứ vào số lượng người dự tuyển đăng kí và kết quả tuyển sinh thực tế, chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể cho từng ngành sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

3. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng.

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ theo hình thức chính quy là 1,5 năm (18 tháng); theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng). Học viên có thể đăng ký lựa chọn học theo hình thức học phù hợp.

4. Phương thức tuyển sinh và thang điểm xét tuyển

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển hồ sơ và phỏng vấn người dự tuyển.

- Thang điểm xét tuyển: Theo quy định tại Phụ lục 01 của Thông báo.

5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng được điều kiện sau:

5.1. Điều kiện văn bằng

Người dự tuyển đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó:

a) Người dự tuyển tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển không phải học bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển, được dự tuyển theo chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu và chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

b) Người dự tuyển tốt nghiệp đại học ngành/CTĐT trong danh mục các ngành phải học bổ sung chỉ được dự tuyển theo chương trình định hướng ứng dụng nếu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển và hoàn thành việc học bổ sung kiến thức 5 học phần (03 học phần cơ sở ngành và 02 học phần ngành) trong chương trình đào tạo bậc đại học của ngành dự tuyển tương ứng; không được dự tuyển theo chương trình định hướng nghiên cứu. Chương trình các học phần bổ sung của từng ngành thực hiện theo Quyết định số 165/QĐ-ĐHTM ngày 17/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại. Danh mục các ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ được quy định tại Phụ lục 02 của Thông báo.

Người dự tuyển được xem xét miễn học và thi học phần bổ sung nếu thoả mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Học phần xin miễn có tên trong Bảng điểm đại học của người dự tuyển (tên học phần ghi trong bảng điểm phải hoàn toàn trùng khớp với tên học phần bổ sung); (ii) Học phần có số tín chỉ từ 2 trở lên; (iii) Điểm học phần phải từ 5 trở lên (thang điểm 10).

c) Người tốt nghiệp đại học các ngành không có trong danh mục ngành phù hợp quy định tại Phụ lục 02 - Thông báo (các ngành theo quy định cũ trước đây), Trường ĐHTM sẽ căn cứ vào Bảng điểm đại học để xét điều kiện về văn bằng đối với từng trường hợp cụ thể.

d) Người dự tuyển có bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Cục Quản lý Chất lượng Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường sẽ thành lập Hội đồng xét công nhận khối lượng chuyển đổi kết quả học tập và các học phần phải học bổ sung.

5.2. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài được áp dụng là tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật và tiếng Nga.

Ứng viên đáp ứng yêu cầu này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Thương mại cấp trong thời gian không quá 02 (hai) năm tính đến ngày dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu tiếng Anh đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (quy định tại Phụ lục 03- Thông báo) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng kí dự tuyển;

- Người dự tuyển không có chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ như quy định ở trên cần đăng kí tham gia kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) do Trường tổ chức. Thông tin cụ thể về các kì đánh giá sẽ được thông báo trên website của Trường.

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

5.3. Điều kiện về lý lịch

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.4. Điều kiện về sức khỏe

Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học Trường Đại học Thương mại sẽ xem xét, quyết định cho dự tuyển tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

5.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Thương mại.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT- BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người dự tuyển có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học hiện hành. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

6.2. Chính sách ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục 6.1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả xét tuyển 10 (mười) điểm theo thang điểm 100.

7. Kế hoạch tuyển sinh

7.1. Thời gian phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh

Thời gian phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh vào giờ hành chính các ngày làm việc (từ thứ hai đến thứ sáu) trong khoảng thời gian sau:

- Phát hành hồ sơ: từ 18/02/2022 đến 12/4/2022;

- Nhận hồ sơ: từ 18/02/2022 đến 15/4/2022.

Nhà trường chỉ nhận hồ sơ tuyển sinh theo mẫu do Trường phát hành. Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm:

a) Đơn xin dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;

b) Bản sao có chứng thực bằng/giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học, chứng chỉ ngoại ngữ, bằng thạc sĩ (nếu có), bằng điểm cao học (nếu có). Người dự tuyển có bằng đại học hệ liên thông phải nộp cả bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp và bằng điểm trung cấp/cao đẳng. Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học (bằng cử nhân) do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công chứng dịch tiếng Việt và kèm theo bản công chứng Văn bản Công nhận văn bằng do Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương, hoặc thủ trưởng cơ quan công tác. Ảnh trên sơ yếu lý lịch phải đóng dấu giáp lai;

d) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa;
đ) Minh chứng công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (nếu có);
e) Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên hoặc minh chứng về thâm niên công tác (nếu có);

g) Minh chứng học bổ sung kiến thức (nếu có);

e) Các giấy tờ khác và lệ phí tuyển sinh theo quy định của Trường.

Người dự tuyển có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí thi theo quy định hiện hành.

7.2. Thời gian đăng ký học bổ sung

Từ ngày **18/2/2022**: đối với người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học ngành/CTĐT trong danh mục các ngành phải học bổ sung.

7.3. Thời gian và địa điểm xét tuyển

Dự kiến vào các ngày **23, 24/4/2022** tại Trường Đại học Thương mại.

7.4. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh và khai giảng khóa học

- Công bố kết quả tuyển sinh: Dự kiến từ ngày 26/4/2022 - 28/4/2022.

- Nhập học và khai giảng: Dự kiến từ ngày 03/5/2022 - 15/5/2022.

8. Học phí trong quá trình học tập

Đơn giá học phí được công bố theo Thông báo mức thu học phí hàng năm của Trường, phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước và được công bố công khai trên website của Trường. Chi tiết xem tại link: Phòng Quản lý Sau đại học, Trường ĐHTM (saudaihoc.tmu.edu.vn) *aww*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
THƯƠNG MẠI
Hleat
PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt

Ghi chú:

- Người dự tuyển có thể trực tiếp tải mẫu các loại hồ sơ đăng ký dự tuyển tại website Phòng Quản lý Sau đại học theo địa chỉ (<http://saudaihoc.tmu.edu.vn>).

- Trường Đại học Thương mại không gửi Giấy báo dự tuyển tới từng người dự tuyển. Lịch dự tuyển chính thức và Danh sách người dự tuyển sẽ được đăng trên website Phòng Quản lý Sau đại học theo địa chỉ trên (mục Tuyển sinh) từ ngày 18/4/2022. Người dự tuyển có nhu cầu nhận Giấy báo dự tuyển bằng văn bản, liên hệ trực tiếp tại Phòng Quản lý Sau đại học vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần, bắt đầu từ ngày 19/4/2022.

- Thời gian học các học phần bổ sung: dự kiến tổ chức vào thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật, bắt đầu từ ngày 28/2/2022.

- Chương trình các học phần bổ sung trình độ đại học của từng ngành và các thông tin chi tiết khác xem trên website của Trường, hoặc Bảng tin Phòng Quản lý Sau đại học, hoặc liên hệ theo số máy hotline của Phòng Quản lý Sau đại học: **0901716333**.

Phu lục 01

**THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

NỘI DUNG VÀ YÊU CẦU		THANG ĐIỂM	TỔNG ĐIỂM TỐI ĐA	TỶ TRỌNG
I. TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC			30	30%
Ngành đúng, ngành gần	Xuất sắc	30		
	Giỏi	27		
	Khá	25		
	Trung bình khá	23		
	Trung bình	21		
Ngành khác đã học BSKT theo quy định	Không tính xếp loại	20		
Lưu ý: Bằng đại học hoặc tương đương do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp mà không có xếp loại sẽ được tính điểm quy đổi là 25 điểm				
II. BÀI BÁO KHOA HỌC			5	5%
1	Bài báo đăng ở tạp chí khoa học quốc tế có uy tín	5		
	- Tác giả chính	5		
	- Thành viên tham gia	4		
2	Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.	4		
	- Tác giả chính	4		
	- Thành viên tham gia	3		
3	Bài báo toàn văn đăng ở kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia có phân biện, có chỉ số ISBN hoặc đăng ở tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,5 điểm liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu	3		
	- Tác giả chính	3		
	- Thành viên tham gia	2		
III. KINH NGHIỆM CÔNG TÁC (năm):			5	5%
	- Từ 5 năm trở lên	5		
	- Từ 1 - 5 năm	4		
	- Dưới 1 năm	2		
IV. PHÒNG VẤN ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC			60	60%
1	Mức độ nắm vững kiến thức ngành đăng ký dự tuyển	30		
2	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình	20		
3	Các phẩm chất khác theo đánh giá của người chấm: Sự ham hiểu biết, tính sáng tạo, tính kỷ luật, trung thực, khả năng tổ chức sắp xếp công việc, tính kiên định	10		

Phu lục 02

DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐẠI HỌC ĐƯỢC COI LÀ PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

TT	Ngành	<p align="center">Nhóm 1: Các ngành không cần học bổ sung (gồm ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển)</p>	<p align="center">Nhóm 2: Các ngành phải học bổ sung đảm bảo nền tảng kiến thức đầu vào cần thiết cho ngành đăng ký dự tuyển</p>
1	<p align="center">Quản trị kinh doanh</p>	<p>- Ngành đúng: Quản trị kinh doanh (7340101)</p> <p>- Ngành gần: Các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Kinh doanh (73401): Marketing (7340115), Bất động sản (7340116), Kinh doanh quốc tế (7340120), Kinh doanh thương mại (7340121), Thương mại điện tử (7340122), (Kinh doanh thời trang và dệt may 7340122)</p> <p>- Các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại cấp bằng có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Thương mại: Quản lý kinh tế, Quản trị khách sạn, Logistics, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị nhân lực.</p>	<p>Gồm các ngành đào tạo không thuộc nhóm 1 nhưng trong CTĐT có các học phần sau:</p> <p>(1) Toán cao cấp/Toán đại cương/Toán ứng dụng/Lý thuyết xác suất thống kê</p> <p>(2) Tin học/ Tin học căn bản/Tin học quản lý/Tin học ứng dụng/Ứng dụng CNTT</p> <p>(3) Kinh tế học/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế vi mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý.</p> <p>Hoặc một trong các học phần sau:</p> <p>- Quản trị học/ Nguyên lý quản trị/ Quản trị học căn bản;</p> <p>- Quản trị nhân lực/Quản trị nhân sự/ Quản trị nhân lực căn bản/ Quản trị nguồn nhân lực;</p> <p>- Quản trị chiến lược; Quản trị tài chính.</p>
2	<p align="center">Marketing thương mại</p>	<p>- Ngành đúng: Kinh doanh Thương mại (7340121), Marketing (7340115)</p> <p>- Ngành gần: Các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Kinh doanh (73401): Quản trị kinh doanh (7340101), Bất động sản (7340116), Kinh doanh quốc tế (7340120), Thương mại điện tử (7340122), (Kinh doanh thời trang và dệt may 7340122)</p> <p>- Các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại cấp bằng có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT Marketing của Trường Đại học Thương mại:</p> <p>+ Quản trị khách sạn (Chương trình đại trà), Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành (Chương trình đại trà), Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Kế toán doanh nghiệp, Tài chính – Ngân hàng, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị nhân lực</p> <p>+ Các ngành của hệ đào tạo quốc tế về marketing, thương mại, bán hàng: Marketing và phân phối (Rouen), Marketing và Bán hàng/ Thương mại và bán hàng (Lyon)</p>	<p>- Các ngành đào tạo khác của Trường Đại học Thương mại thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (734) và nhóm ngành Kinh tế đang được đào tạo ở Đại học Thương mại, có mức tương đồng dưới 50%: Quản trị khách sạn (Chương trình đặc thù), Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành (Chương trình đặc thù), Kế toán công, Kế toán chất lượng cao, Kiểm toán, Kinh tế quốc tế, Tài chính công, Tài chính chất lượng cao, Quản lý kinh tế, Hệ thống thông tin quản lý (Chương trình đặc thù)</p> <p>- Các ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (734) và nhóm ngành Kinh tế (73101):</p> <p>+ Lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (734): Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án,...</p> <p>+ Nhóm ngành Kinh tế học (73101): Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế</p> <p>- Các ngành đào tạo không thuộc các ngành nhóm 1 nhưng trong CTĐT có các học phần sau: (1) Toán cao cấp/Toán đại cương/Toán ứng dụng/Lý thuyết xác suất thống kê; (2) Tin học/ Tin học căn bản/Tin học quản lý/Tin học ứng</p>

			dụng/Ứng dụng CNTT; (3) Kinh tế học/Kinh tế vĩ mô/Kinh tế vi mô/Kinh tế ứng dụng/Kinh tế quản lý. Hoặc một trong các học phần sau: Quản trị học/ Nguyên lý quản trị/ Quản trị học căn bản; Marketing căn bản, marketing, marketing quốc tế, marketing ngân hàng (có học phần về marketing), Quản trị Thương hiệu.
3	Kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành đúng: Kế toán (7340301) - Ngành gần: Kiểm toán (7340302) - Các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại cấp bằng có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT Kế toán của Trường Đại học Thương mại: Tài chính ngân hàng thương mại, Tài chính công thuộc Nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm (73402); Ngành Quản trị kinh doanh (7340101) thuộc nhóm ngành Kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành đào tạo của Trường thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (mã 734), có mức tương đồng dưới 50%: Marketing; Kinh doanh quốc tế; Quản trị thương hiệu, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Quản lý kinh tế; Quản trị nhân lực; Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Thương mại quốc tế; Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin quản lý... - Các ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học khác thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý (mã 734) (không tính nhóm ngành Kế toán – Kiểm toán đã liệt kê ở Nhóm 1), gồm: nhóm ngành Kinh doanh (73401), nhóm ngành Tài chính-NH-BH (73402), nhóm ngành Quản trị - Quản lý (73404)
4	Tài chính- ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành cùng nhóm ngành: Ngân hàng; Tài chính – Ngân hàng thương mại; Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm; Tài chính Bảo hiểm; Thị trường chứng khoán; Kinh doanh chứng khoán; Tài chính công; Quản lý tài chính công; Thuế; Quản lý thuế; Hải quan và nghiệp vụ kỹ thuật ngoại thương; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Định giá tài sản và Kinh doanh bất động sản; Phân tích tài chính; Phân tích chính sách tài chính; Đầu tư tài chính,...; - Các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại cấp bằng có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Thương mại: Kế toán doanh nghiệp; Kiểm toán; Kế toán công; Quản trị kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành đào tạo của Trường thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý (mã 734), có mức tương đồng dưới 50%: Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Quản lý kinh tế; Quản trị nhân lực; Quản trị khách sạn; Du lịch lữ hành; Thương mại quốc tế; Thương mại điện tử; Hệ thống thông tin quản lý ... - Các ngành đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học khác thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý (mã 734) (không tính nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng đã liệt kê ở Nhóm 1), gồm: nhóm ngành Kinh doanh (73401), nhóm ngành Kế toán – Kiểm toán (73403), nhóm ngành Quản trị - Quản lý (73404)

5	Quản lý kinh tế	<p>- Ngành đúng: Quản lý kinh tế, Kinh tế</p> <p>- Ngành gần: Kinh tế phát triển; Kinh tế đầu tư; Kinh tế quốc tế</p> <p>- Các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại cấp bằng có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT Quản lý kinh tế của Trường Đại học Thương mại: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Tài chính – Ngân hàng thương mại, Tài chính công, Marketing thương mại, Marketing số, Quản trị thương hiệu, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Luật kinh tế, Luật thương mại quốc tế, Kế toán doanh nghiệp, Quản trị nhân lực doanh nghiệp, Quản trị thương mại điện tử và Tiếng Trung thương mại.</p>	<p>Các ngành Quản trị kinh doanh; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Tài chính – ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Luật kinh tế; Hoặc các ngành đào tạo không nằm trong các danh mục kể trên nhưng nếu trong chương trình đào tạo đại học có các học phần: 1) Toán ứng dụng (Toán cao cấp hoặc xác suất thống kê,...); 2) Tin học; 3) Kinh tế vĩ mô hoặc Kinh tế vi mô hoặc kinh tế học hoặc kinh tế ứng dụng hoặc một học phần thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý.</p>
6	Quản trị nhân lực	<p>- Ngành đúng: Quản trị nhân lực (7340404)</p> <p>- Ngành gần: Các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành Quản trị - quản lý (73404): Khoa học quản lý (7340401), Quản lý công (7340403), Hệ thống thông tin quản lý (7340405), Quản trị văn phòng (7340406), Quan hệ lao động (7340408), Quản lý dự án (7340409); Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực/Kinh tế lao động (7310101)</p> <p>- Các ngành/CTĐT ở trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại cấp bằng có độ tương đồng $\geq 50\%$ so với CTĐT Quản trị nhân lực của Trường Đại học Thương mại: Quản trị kinh doanh, Tiếng Pháp thương mại, Tiếng Trung thương mại, Quản trị khách sạn, Quản trị du lịch và lữ hành, Marketing thương mại, Quản trị thương hiệu, Logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế, Tài chính ngân hàng thương mại, Thương mại điện tử</p>	<p>Gồm các ngành đào tạo không thuộc nhóm 1, cụ thể: Kinh doanh (73401), Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm (73402), Kế toán - Kiểm toán (73403), các nhóm ngành thuộc lĩnh vực Kinh doanh và quản lý khác (73490), Kinh tế học (73101), Quản lý công nghiệp (75106), Quản lý xây dựng (75803), Quản lý y tế (77208), Công tác xã hội (77601), Quản lý tài nguyên môi trường (78501), Quản lý giáo dục (7140114), Quản lý văn hóa (7229042), Quản lý nhà nước (7310205), Quản lý thông tin (7320205), Kinh doanh xuất bản phẩm (7320402), Quản lý đô thị và công trình (7580108), Kinh doanh nông nghiệp (7620114), Kinh tế nông nghiệp (7620115), Quản lý tài nguyên rừng (7620211), Quản lý thủy sản (7620305), Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và lữ hành (7810103), Quản trị khách sạn (7810201), Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (7810202), Quản lý thể dục thể thao (7810301), Kinh tế gia đình (7810501), Quản lý hoạt động bay (7840102), Kinh tế vận tải (7840104), Quản lý nhà nước về an ninh trật tự (7860109), Quản lý trật tự an toàn giao thông (7860110), Bảo hộ lao động (7850201).</p> <p>Các ngành/chương trình đào tạo không nằm trong các danh mục kể trên và trong chương trình đào tạo đại học có các học phần: (i) Toán hoặc toán ứng dụng; (ii) Tin học hoặc ứng dụng công nghệ thông tin; (iii) Kinh tế vĩ mô hoặc Kinh tế vi mô hoặc kinh tế học hoặc kinh tế ứng dụng hoặc một học phần thuộc lĩnh vực Kinh doanh và Quản lý.</p>

Trong đó: - Nhóm 1: Áp dụng cho tất cả các CTĐT thạc sĩ định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu;

- Nhóm 2: Áp dụng cho CTĐT định hướng ứng dụng.

Phu lục 03

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Danh mục các chứng chỉ/văn bằng

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 – 45	46 – 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

2. Danh mục các trường đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tính đến ngày 30/12/2021)

- | | |
|---|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường Đại học Sư phạm TP.HCM 2. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế 3. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội 4. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng 5. Đại học Thái Nguyên 6. Trường Đại học Cần Thơ 7. Trường Đại học Hà Nội 8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 9. Trường Đại học Vinh 10. Học viện An ninh nhân dân | <ol style="list-style-type: none"> 11. Trường Đại học Sài Gòn 12. Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM 13. Trường Đại học Trà Vinh 14. Trường Đại học Văn Lang 15. Trường Đại học Quy Nhơn 16. Trường ĐH Tây Nguyên 17. Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM 18. Học viện Báo chí Tuyên truyền 19. Trường Đại học Thương mại 20. Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP.HCM |
|---|--|